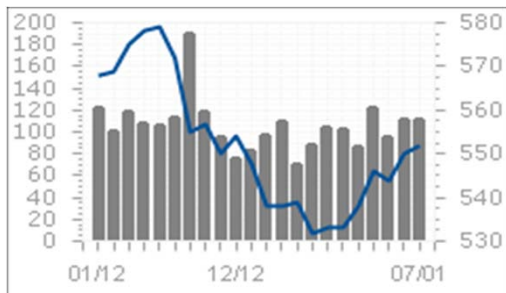


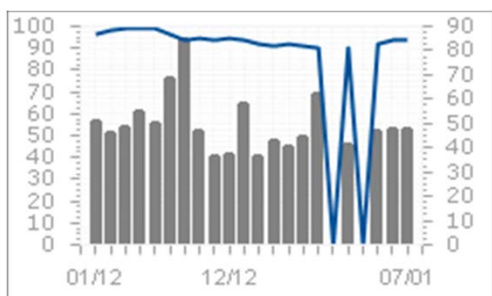
HOSE 08/01/2015

VNINDEX	553.47	1.43	0.26%
KLGD	77,867,146	CP	
GTGD	1,406.19	Tỷ	
GTR NDTNN	-	45.49	Tỷ
CP Tăng giá	78	CP	
CP Giảm giá	128	CP	
CP Đứng giá	98	CP	



HNX 08/1/2015

HNXINDEX	84.10	-0.08	-0.10%
KLGD	43,685,052	CP	
GTGD	589.57	Tỷ	
GTR NDTNN	21.35	Tỷ	
CP Tăng giá	72	CP	
CP Giảm giá	113	CP	
CP Đứng giá	194	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	606.85	-0.80	-0.13%
HNX30	162.94	-0.63	-0.38%

Tâm điểm

- ▶ **Lực mua bán cân bằng do áp lực chốt lời ngắn hạn**
- ▶ **NDT Nước ngoài vẫn tiếp tục bán ròng trên HOSE**
Thanh khoản sụt giảm mạnh so với các phiên trước đó
- ▶ **8 nước ASEAN đầu tư 2.507 dự án FDI vào Việt Nam**
Tổng số dự án FDI là 2.507 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 53 tỷ USD
DVO
- ▶ **Tác động của tỷ giá tăng lên nợ nước ngoài của Việt Nam.**
Theo báo cáo mới đây của Bộ Tài chính, nợ công ước tính đến ngày 31/12/2014
DVO
- ▶ **FED sẽ không nâng lãi suất trước tháng 4**
Bloomberg
- ▶ **NCT: Lãi 2014 ước đạt 324 tỷ đồng, chào sàn với giá kịch trần**
VCB
- ▶ **Vinatex đầu tư gần 1.500 tỷ đồng vào Quảng Nam**
DVO

Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,000,435	13.4	2.6	17.8%	9.1%
HNX	140,147	13.5	1.8	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,140,582	13.8	2.6	17.6%	8.7%
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,809	6.6	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,432	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Thép và sản phẩm thép	37,022	12.7	1.9	22.6%	10.8%
Khai khoáng	12,448	89.1	6.2	-4.1%	-3.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,574	14.7	1.5	13.3%	7.4%
Xây dựng	32,808	26.9	1.1	1.9%	2.4%
Máy công nghiệp	8,702	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,475	8.3	1.4	18.5%	13.5%
Lốp xe	8,243	10.6	2.8	25.5%	11.1%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,069	11.0	2.1	22.5%	7.5%
Thực phẩm	187,807	24.1	4.5	18.4%	14.2%
Dược phẩm	15,624	12.4	2.8	22.3%	14.8%
Phần mềm	16,952	10.1	2.1	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	30,540	10.7	1.6	15.7%	7.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	136,525	11.2	3.6	32.3%	21.9%
Bảo hiểm nhân thọ	23,204	18.5	1.9	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	26,108	10.9	1.4	10.7%	7.3%
Ngân hàng	257,714	12.2	1.4	10.2%	0.9%
Bất động sản	158,814	15.5	2.5	17.6%	4.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	31,947	7.2	1.5	21.9%	9.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

8 nước ASEAN đầu tư 2.507 dự án FDI vào Việt Nam

Tác động của tỷ giá tăng lên nợ nước ngoài của Việt Nam.

FED sẽ không nâng lãi suất trước tháng 4

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

NCT: Lãi 2014 ước đạt 324 tỷ đồng, chào sàn với giá kịch trần

Vinatex đầu tư gần 1.500 tỷ đồng vào Quảng Nam

Viettel đạt doanh thu gần 10 tỷ USD

► Tin kinh tế

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT), tính đến tháng 12/2014, đã có 8 nước ASEAN có đầu tư FDI tại Việt Nam là Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei, Indonesia, Philippines, Lào và Campuchia với tổng số dự án FDI là 2.507 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 53 tỷ USD, chiếm 14% tổng số dự án và 20% tổng vốn đầu tư của cả nước. Singapore đứng đầu về đầu tư vào Việt Nam và đứng thứ 3/101 nước có đầu tư FDI tại Việt Nam với 1.353 dự án và 32,7 tỷ USD, chiếm 53% tổng số dự án và 60% tổng vốn đầu tư của ASEAN tại Việt Nam.

Theo báo cáo mới đây của Bộ Tài chính, nợ công ước tính đến ngày 31/12/2014 ở mức 2.395.488 tỉ đồng, bằng 60,3% GDP; trong đó nợ nước ngoài tương đương 39,9% GDP. Giả sử với GDP khoảng 183 tỉ đô la Mỹ trong năm 2014, dư nợ nước ngoài sẽ ở mức khoảng 73 tỉ đô la Mỹ. Với tỷ giá vừa được điều chỉnh tăng 1% (từ 21.246 đồng/đô la Mỹ lên 21.458 đồng/đô la Mỹ), Việt Nam sẽ phải chi thêm hơn 15.000 tỉ đồng. Cũng theo báo cáo này, việc Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp cũng đang đặt ra thách thức trong tiếp cận nguồn vốn ODA: Trước đây, khi còn là một quốc gia thu nhập thấp, Việt Nam đã được ưu đãi vay vốn với thời hạn vay dài, lãi suất thấp (vay Ngân hàng thế giới (WB) lãi suất tăng từ 0%/năm lên 1,25%/năm).

Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) khẳng định “kiên nhẫn” với lãi suất có nghĩa là cơ quan này sẽ không nâng lãi suất trước cuối tháng 4, đồng thời bày tỏ lo ngại rằng lạm phát có tiếp tục ở dưới mức mục tiêu 2%. Theo biên bản của cuộc họp diễn ra hồi tháng 12/2014: hầu hết các thành viên của Ủy ban thị trường mở (FOMC) đều cho rằng “FOMC sẽ không bắt đầu quá trình bình thường hóa chính sách tiền tệ ít nhất là trong một vài cuộc họp tới”. Các thành viên của FOMC dự báo Fed sẽ lần đầu nâng lãi suất vào thời gian nào đó trong năm 2015. Chủ tịch Fed San Francisco John Williams cho rằng sẽ là hợp lý nếu bắt đầu xem xét đến việc nâng lãi suất từ giữa năm 2015.

► Tin doanh nghiệp

Hôm nay, gần 25 triệu cổ phiếu NCT đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên HOSE với giá tham chiếu 75.000 đồng/đơn vị. Ngay từ những phút khai cuộc, cổ phiếu NCT đã được giao dịch với mức giá kịch trần 90.000 đồng/cổ phiếu. Ông Lê Hải Trà - Phó Tổng giám đốc thường trực HOSE cho biết doanh thu thuần năm 2014 của NCT ước đạt 678 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế của công ty cũng tăng gần 5%, ước đạt 324 tỷ đồng. NCT luôn duy trì tỷ lệ ROE ở mức cao qua các năm, riêng năm 2013 đạt gần 90%. Trong năm 2014, NCT vừa thực hiện tăng vốn từ 95 tỷ lên 249 tỷ đồng (trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 1:0,7 và phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 1:0,9).

Theo thỏa thuận giữa UBND tỉnh Quảng Nam và Vinatex, 2015 sẽ có nhiều dự án ngành dệt may được triển khai thực hiện với tổng đầu tư gần 1.500 tỷ đồng. Đặc biệt, trong năm 2015, Vinatex sẽ đầu tư xây dựng Khu liên hợp sợi - dệt nhuộm - may Hương An (xã Hương An, huyện Quế Sơn) với quy mô 20ha, tổng vốn đầu tư khoảng 1.145 tỷ đồng. Dự án sẽ đầu tư Nhà máy sợi 3 vạn cọc, sản lượng 4.600 tấn/năm; Nhà máy Dệt nhuộm vải dệt kim với dây chuyền dệt - nhuộm vải dệt kim đồng bộ chất lượng cao, công suất 5.000 tấn/năm; Nhà máy May Hương An công suất thiết kế 20 chuyên may dệt kim tương đương 20-25 triệu sản phẩm dệt kim/năm; đồng thời sẽ xây dựng Nhà máy xử lý nước thải công suất 5.000m³/ngày đêm. Đến nay, dự án đã hoàn thành thỏa thuận địa điểm với diện tích 6,7 hecta, và hiện đang chờ mặt bằng sạch để triển khai.

Đại diện Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) cho biết, năm 2014, doanh thu toàn Tập đoàn đạt 197.000 tỷ (gần 10 tỷ USD), tăng 20%. Lợi nhuận sau thuế là 33.000 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân là 35%. Vốn chủ sở hữu tăng 32% lên 112.000 tỷ đồng trong khi tổng tài sản tăng gần 30%, đạt 160.000 tỷ đồng. Tập đoàn này đã đầu tư tại 9 quốc gia có tổng số 175 triệu dân. Tổng doanh thu của Viettel ở nước ngoài tăng 25%, đạt 1,2 tỷ USD trong khi lợi nhuận từ nước ngoài đạt 115 triệu USD, tăng 25%.

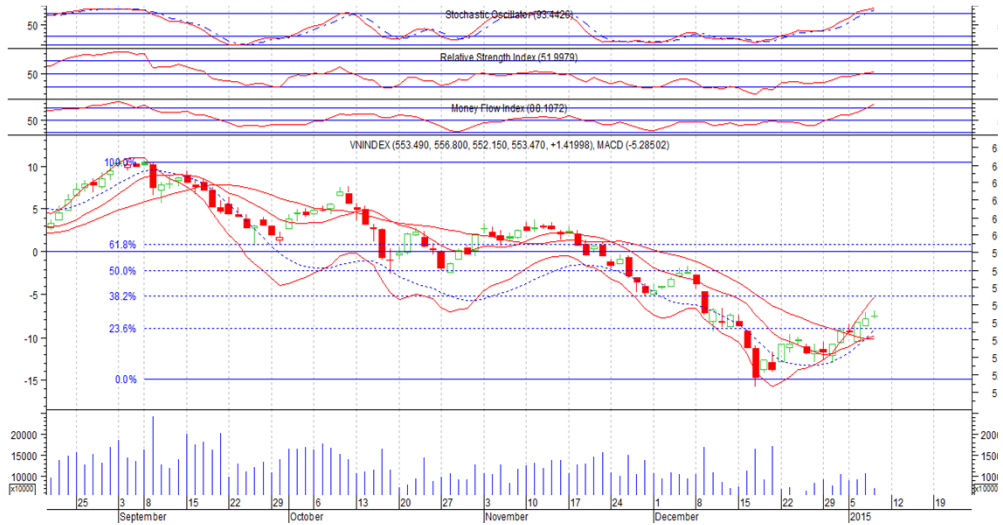
HOSE 08/01/2015 VNINDEX 553.47 1.43 0.26% 77,867,146 CP 1,406.19 bil VND

Lực mua bán cân bằng do áp lực chốt lời ngắn hạn

- Vn-Index tăng 1.42đ(+0.26%) lên mức 553.47 điểm. Sau nên Invested Hummer hình thành hôm qua, phiên hôm nay nên Doji lại xuất hiện cho thấy thị trường đang có sự do dự.

- Chỉ số Stochastic Oscillator và MFI vẫn tiếp tục tăng đạt 93.4 đ. 88 đ và đang nằm sâu trong vùng quá bán. Đường MACD cũng tăng mạnh tuy nhiên vẫn còn xa đường zero.

- Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy dấu hiệu sẽ có dấu hiệu điều chỉnh tuy nhiên có thể đã tăng sẽ tiếp tục. mức kháng cự cho đợt tăng này là Fibonacci 38.2% là 570 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.4 (-3.6%)	12,103,480
VHG	-0.2 (-1.6%)	3,925,130
ITA	-0.1 (-1.3%)	2,970,480
KDC	-0.8 (-1.6%)	2,931,050
DLG	-0.2 (-1.9%)	2,744,210

HOSE Top 5 theo % tăng

CCI	0.9 (6.9%)	5,530
KSH	0.7 (6.9%)	65,830
TSC	3.1 (6.9%)	336,440
TNA	1.9 (6.8%)	1,750
KHA	1.6 (6.8%)	11,220

HOSE Top 5 theo % giảm

PXT	-0.3 (-6.8%)	77,700
DTT	-0.7 (-6.7%)	2,820
ST8	-1.4 (-6.5%)	1,030
TTP	-1.6 (-6.4%)	100
VSI	-0.7 (-6.3%)	1,610

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	8,3 tỷ	97,800
STB	5,7 tỷ	315,620
GAS	5,2 tỷ	74,720
DPM	3,9 tỷ	121,580
PPC	3,3 tỷ	119,250

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-70,6 tỷ	1,474,510
PVD	-13,6 tỷ	226,060
VIC	-5,8 tỷ	119,120
DXG	-4,3 tỷ	308,000
HT1	-3,6 tỷ	193,240

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-115,510	- 45.49

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Mở cửa các CP dầu khí và ngân hàng đồng loạt có được mức tăng tốt, tuy nhiên hoạt động bán chốt lời gia tăng trong khi người mua thận trọng khiến VN-Index giảm đà
- ▶ giảm đà tăng. Các cổ phiếu lớn như GAS, VCB tăng 1000đ, VNM tăng 500đ...Các cổ phiếu đầu cơ như FLC, HAR, HAI...đồng loạt giảm mạnh.
- ▶ Giao dịch khối ngoại: NĐTNN tiếp tục bán ròng trên HOSE, Giá trị bán ròng đạt 45.49 tỷ đồng, bán mạnh KDC, PVD, VIC,... Mua mạnh MSN, STB....
- ▶ Thanh khoản sụt giảm mạnh so với các phiên trước đó. Tổng khối lượng giao dịch toàn sàn đạt gần 78 ngàn đơn vị, tương đương giá trị giao dịch là 1.406 tỷ đồng. FLC
- ▶ 3. Nhận định: Thị trường đang giao dịch tương đối ổn định. Khả năng sẽ điều chỉnh trong những phiên tới trước khi tiếp tục duy trì đà tăng.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	69.5	131,702.50	11.3	3.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	98.5	98,511.68	16.9	5.4	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	34.6	92,209.70	19.5	2.1	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.0	69,818.64	17.9	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	- 488.8	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.1	52,500.00	9.9	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.6	38,232.36	8.6	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	53.0	25,541.13	8.1	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	34.1	23,204.08	18.5	1.9	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.1	20,679.46	8.4	1.2	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.6	1,060.71	14.1	1.0	NA	TH.DOI
HBC	53.4	14.8	790.26	22.5	0.9	NA	TH.DOI
CII	186.8	19.5	3,641.72	7.3	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	5.6	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.0	579.81	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 08/01/2015 HNX-Index 84.10 -0.08 -0.10% 43,685,052 CP 589.57 bil. VND

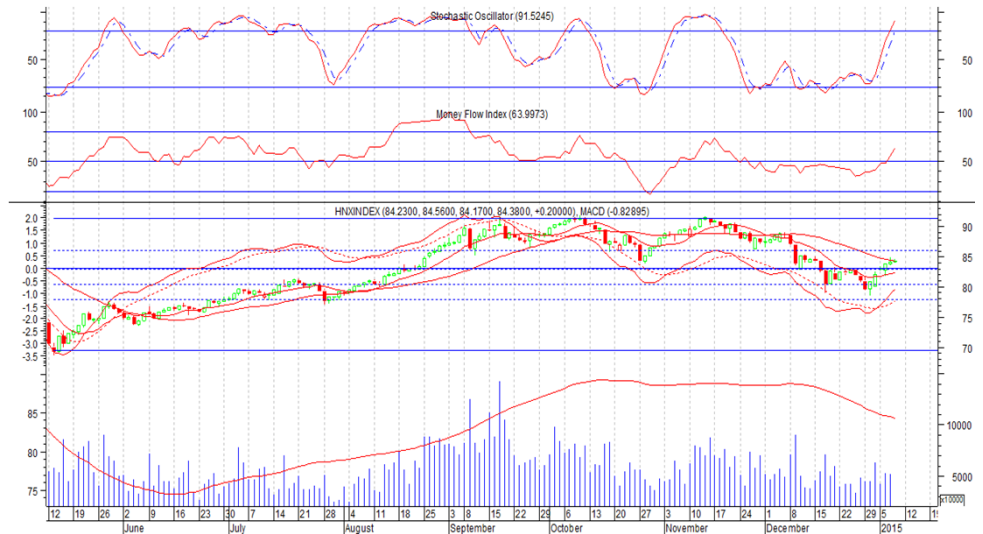
Lực mua bán cân bằng do áp lực chốt lời ngắn hạn

-Chỉ số HNX-Index giảm nhẹ 0.07 điểm (0.1%), đóng cửa tại mốc 84.1 điểm. Sau nên trung tính hôm qua lại một nền Doji xuất hiện, chậm chí bóng nên còn rất ngắn, cho thấy sự do dự của nhà đầu tư.

- Stochastic Oscillator tăng mạnh và tiến sâu vào vùng quá bán, MFI tăng mạnh lên 56 lên 64.

- MACD vẫn tiếp tục tăng gần sát đường zero.

-HNX-Index có thể tiếp tục tăng tuy nhiên khả năng sẽ điều chỉnh trước chu kỳ tăng tiếp là điều tất yếu.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-0.5 (-4.4%)	7,175,960
SCR	-0.2 (-2.2%)	3,412,320
PVX	0 (0.0%)	2,845,050
SHS	0.3 (2.8%)	2,817,420
SHB	0 (0.0%)	2,763,930

HNX Top 5 theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
DNC	2 (10.0%)	5,500
S12	0.5 (10.0%)	100
DNP	1.7 (9.7%)	1,100
INN	2.9 (9.2%)	2,300

HNX Top 5 theo % giảm

DID	-0.5 (-10.0%)	3,400
TMX	-1.1 (-10.0%)	400
ITQ	-3.2 (-9.8%)	711,840
VCM	-1.7 (-9.8%)	1,300
DST	-1.4 (-9.7%)	8,100

HNX Top 5 Mua ròng NĐTNN

SHS	7,2 tỷ	661,300
PVS	6,8 tỷ	261,500
KLS	3,8 tỷ	364,100
SHB	1,8 tỷ	211,600
VND	1,7 tỷ	131,800

HNX Top 5 Bán ròng NĐTNN

PLC	-1,5 tỷ	47,000
API	-0,6 tỷ	42,000
LAS	-0,3 tỷ	8,600
KSQ	-0,2 tỷ	21,700
TCT	-0,2 tỷ	2,400

GD NĐTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,686,200	21.35

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sau hai phiên tăng liên tiếp, áp lực bán chốt lời có phần gia tăng trong khi cầu thiếu hào hứng, cuối phiên, HNX-Index giảm nhẹ.
- ▶ Thanh khoản sụt giảm, tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt gần 43,7 triệu đơn vị, tương đương giá trị giao dịch 589,57 tỷ đồng. KLF tiếp tục dẫn đầu.
- ▶ Nhóm cổ phiếu chủ chốt không đủ sức níu giữ sắc xanh cho chỉ số, giá đóng cửa tăng giảm đan xen: PVS tăng 300 đồng; ACB và BVS tăng 100 đồng; KLS, PVX và SHB giảm.
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN mua ròng trên HNX đạt 21,35 tỷ giá trị. Mua mạnh ở SHS, PVS, KLS,... Bán mạnh ở các mã PLC, AVI, LAS...
- ▶ 3. Nhận định: Thị trường đang giao dịch tương đối ổn định. Khả năng sẽ điều chỉnh trong những phiên tới trước khi tiếp tục duy trì đà tăng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.8	14,374.53	26.4	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.1	11,658.88	6.9	1.3	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	-	69.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.4	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.7	5,609.73	8.6	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.4	3,917.75	12.7	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	7.5	2.2	23.4%	14.9%
VNR	131.1	22.1	2,896.78	9.4	1.2	12.8%	5.4%
LAS	77.8	35.6	2,770.82	7.7	2.2	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	26.6	1,010.80	6.3	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	14.2	562.32	5.4	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.8	1,983.98	11.3	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	7.5	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	24.5	1,225.00	6.1	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	15.22%	84.5	- 488.78	4.34	94,062	290,426	220,708
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	12.53%	48.0	17.87	3.77	421,132	870,577	1,147,054
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	11.71%	59.5	7.52	1.63	603,982	1,129,752	817,098
HPG	HOSE	481.9	25,541.13	11.57%	53.0	8.08	2.23	329,932	438,735	499,028
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	7.45%	22.3	9.53	1.23	2,492,964	2,828,154	3,186,156
KDC	HOSE	255.2	12,171.19	7.00%	47.7	19.95	1.83	1,175,192	1,241,771	1,114,337
STB	HOSE	1,142.5	20,679.46	5.69%	18.1	8.35	1.16	1,128,700	2,285,698	959,007
VCB	HOSE	2,665.0	92,209.70	5.16%	34.6	19.48	2.07	1,102,825	1,164,622	605,209
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	4.04%	32.1	10.25	1.33	810,835	880,148	671,385
KBC	HOSE	389.8	6,119.23	2.83%	15.7	14.70	1.19	2,452,202	2,568,391	3,857,761
ITA	HOSE	718.9	5,679.36	2.64%	7.9	47.10	0.73	4,996,633	5,864,395	5,614,856
HSG	HOSE	96.3	4,574.87	1.95%	47.5	11.13	1.92	72,273	124,477	200,740
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	1.83%	34.1	18.46	1.94	602,559	492,374	298,447
HVG	HOSE	132.0	3,563.99	1.55%	27.0	12.46	1.51	713,120	1,063,343	1,281,180
FLC	HOSE	314.9	3,400.85	1.53%	10.8	6.57	0.93	10,577,679	11,104,547	14,276,193
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	1.47%	27.0	12.15	1.64	880,197	937,841	504,216
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.41%	56.0	13.46	3.25	46,833	150,581	108,289
PVT	HOSE	255.9	3,505.25	1.37%	13.7	12.04	1.17	2,560,093	2,902,138	2,343,825
CSM	HOSE	67.3	2,859.91	1.32%	42.5	8.18	2.24	85,809	70,445	94,890
VSH	HOSE	206.2	2,784.26	1.16%	13.5	19.30	1.05	408,804	603,922	496,241
OGC	HOSE	300.0	2,010.00	0.56%	6.7	12.36	0.65	7,184,651	6,419,897	6,073,401

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	8.53%	84.5	- 488.78	4.34	94,062	290,426	220,708
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	7.57%	48.0	17.87	3.77	421,132	870,577	1,147,054
VCB	HOSE	2,665.0	92,209.70	7.13%	34.6	19.48	2.07	1,102,825	1,164,622	605,209
STB	HOSE	1,142.5	20,679.46	6.62%	18.1	8.35	1.16	1,128,700	2,285,698	959,007
PVS	HNX	446.7	11,658.88	5.75%	26.1	6.94	1.32	1,938,202	3,113,264	2,585,749
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	4.51%	34.1	18.46	1.94	602,559	492,374	298,447
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	4.25%	32.1	10.25	1.33	810,835	880,148	671,385
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	4.04%	22.3	9.53	1.23	2,492,964	2,828,154	3,186,156
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	3.90%	59.5	7.52	1.63	603,982	1,129,752	817,098
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	3.14%	27.0	12.15	1.64	880,197	937,841	504,216
ITA	HOSE	718.9	5,679.36	3.29%	7.9	47.10	0.73	4,996,633	5,864,395	5,614,856
FLC	HOSE	314.9	3,400.85	2.85%	10.8	6.57	0.93	10,577,679	11,104,547	14,276,193
SHB	HNX	886.1	7,620.32	2.54%	8.6	9.42	0.74	4,930,225	4,525,159	3,753,346
VCG	HNX	441.7	5,609.73	2.12%	12.7	8.56	1.00	1,127,733	1,424,061	1,447,602
PVT	HOSE	255.9	3,505.25	1.78%	13.7	12.04	1.17	2,560,093	2,902,138	2,343,825
OGC	HOSE	300.0	2,010.00	143.00%	6.7	12.36	0.65	7,184,651	6,419,897	6,073,401
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.00%	56.0	13.46	3.25	46,833	150,581	108,289
IJC	HOSE	274.2	3,756.46	0.65%	13.7	22.49	1.32	137,573	401,629	576,684
PVX	HNX	400.0	2,000.00	0.00%	5.0	- 2.18	2.17	5,391,780	4,857,813	5,554,906

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	0.00%	48.0	17.87	3.77	421,132	870,577	1,147,054
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	0.00%	84.5	- 488.78	4.34	94,062	290,426	220,708
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	0.00%	32.1	10.25	1.33	810,835	880,148	671,385
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	0.00%	22.3	9.53	1.23	2,492,964	2,828,154	3,186,156
VCB	HOSE	2,665.0	92,209.70	0.00%	34.6	19.48	2.07	1,102,825	1,164,622	605,209
STB	HOSE	1,142.5	20,679.46	0.00%	18.1	8.35	1.16	1,128,700	2,285,698	959,007
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	0.00%	34.1	18.46	1.94	602,559	492,374	298,447
CTG	HOSE	3,723.4	52,500.00	0.00%	14.1	9.87	0.98	176,287	195,134	246,030
GAS	HOSE	1,895.0	131,702.50	0.00%	69.5	11.34	3.70	331,166	624,841	501,425

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	4.01%	84.5	- 488.78	4.34	94,062	290,426	220,708
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	2.27%	48.0	17.87	3.77	421,132	870,577	1,147,054
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	4.39%	59.5	7.52	1.63	603,982	1,129,752	817,098
STB	HOSE	1,142.5	20,679.46	0.89%	18.1	8.35	1.16	1,128,700	2,285,698	959,007
VCB	HOSE	2,665.0	92,209.70	1.28%	34.6	19.48	2.07	1,102,825	1,164,622	605,209
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	1.79%	34.1	18.46	1.94	602,559	492,374	298,447

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,809	6.6	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,432	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,140	15.3	1.0	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	859	6.2	1.0	14.4%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,022	12.7	1.9	22.6%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,985	3.6	1.0	21.3%	5.1%
Khai khoáng	12,448	89.1	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,574	14.7	1.5	13.3%	7.4%
Xây dựng	32,808	26.9	1.1	1.9%	2.4%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,181	9.5	1.1	15.7%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,043	6.9	1.1	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,642	8.1	1.5	18.6%	6.5%
Thiết bị điện	1,680	10.5	1.8	10.2%	4.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	73	23.9	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,702	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,592	- 2.9	0.9	4.6%	1.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,475	8.3	1.4	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	6,828	5.8	1.5	23.0%	13.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,563	18.0	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	253	13.1	0.8	6.9%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	199	9.1	0.9	12.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	215	3.3	1.0	33.7%	15.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,266	13.5	1.4	14.8%	7.3%
Lốp xe	8,243	10.6	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,811	8.0	1.4	17.9%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	327	16.5	2.2	14.9%	9.9%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,069	11.0	2.1	22.5%	7.5%
Thực phẩm	187,807	24.1	4.5	18.4%	14.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,838	7.7	1.2	18.2%	8.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	519	62.6	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,685	8.4	1.6	19.3%	7.5%
Giày dép	11	- 1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,316	10.5	1.9	18.5%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	819	- 12.2	1.1	2.2%	4.4%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,980	10.1	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	161	3.3	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	216	9.3	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,624	12.4	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	220	35.0	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	736	10.2	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,627	9.1	1.6	18.9%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,109	9.1	1.0	9.9%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,660	55.5	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,495	20.9	1.3	10.7%	8.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,698	18.2	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	706	10.5	0.9	8.7%	3.2%
Internet	400	84.4	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,952	10.1	2.1	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	460	15.7	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	294	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,373	37.2	7.7	34.3%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	30,540	10.7	1.6	15.7%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	136,525	11.2	3.6	32.3%	21.9%
Nước	1,241	6.6	1.1	16.9%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,498	8.9	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,621	11.3	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,002	9.4	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,204	18.5	1.9	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,930	8.3	1.2	17.9%	12.2%
Môi giới chứng khoán	26,108	10.9	1.4	10.7%	7.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	257,714	12.2	1.4	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	158,814	15.5	2.5	17.6%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	2.0	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	31,947	7.2	1.5	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.